

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

THÔNG TƯ

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 02).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 như sau:

1. Bổ sung khoản 4 vào Điều 1 như sau:

“4. Việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành để mua nợ xấu của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Thông tư 19) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư 19 (nếu có).”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 6 như sau:

“h) Có quy định về việc tự đánh giá tài sản bảo đảm, bao gồm nguyên tắc, định kỳ, phương pháp, quy trình và trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân có liên quan

đến việc định giá tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để đảm bảo giá trị tài sản bảo đảm phù hợp với giá trị thị trường khi tính số tiền trích lập dự phòng cụ thể theo quy định tại Thông tư này;”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 và khoản 10 Điều 9 như sau:

“9. Đối với khoản nợ mà việc cho vay, cấp tín dụng thực hiện theo chấp thuận, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

10. Đối với các khoản nợ vi phạm pháp luật quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều 10 Thông tư này, tại thời điểm phát hiện vi phạm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải ra ngay quyết định thu hồi phần dư nợ vi phạm pháp luật.

Đối với các khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải ra quyết định thu hồi phần dư nợ theo kết luận thanh tra.

Đối với các khoản nợ vi phạm pháp luật quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều 10 Thông tư này, các khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và trong thời gian chưa thu hồi được theo quyết định thu hồi, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Thông tư này.”

4. Bổ sung khoản 10a vào Điều 9 như sau:

“Trường hợp một khoản nợ vi phạm pháp luật quy định tại các điểm c(iv), d(iv), đ(v) khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc một khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra quy định tại các điểm c(v), d(v), đ(vi) khoản 1 Điều 10 Thông tư này được phân loại vào các nhóm có mức độ rủi ro khác nhau thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải phân loại khoản nợ đó vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c(iv) và điểm c(v) khoản 1 Điều 10 như sau:

“(iv) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:

- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng;

(v) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra;”

6. Bổ sung điểm c(vii) vào khoản 1 Điều 10 như sau:

“(vii) Nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 11 Điều 9 Thông tư này.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm d(iv) và d(v) khoản 1 Điều 10 như sau:

“(iv) Khoản nợ quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều này chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;

(v) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được;”

8. Bổ sung điểm d(vii) vào khoản 1 Điều 10 như sau:

“(vii) Nợ phải phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại khoản 11 Điều 9 Thông tư này.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm đ(v) và điểm đ(vi) khoản 1 Điều 10 như sau:

“(v) Khoản nợ quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều này chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;

(vi) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được;”

10. Bổ sung điểm đ(ix) khoản 1 Điều 10 như sau:

“(ix) Nợ phải phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 11 Điều 9 Thông tư này.”

11. Bổ sung khoản 3a vào Điều 10 như sau:

“3a. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xem xét, cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

(i) Khoản nợ mà việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;

(ii) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;

(iii) Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;

(iv) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ chỉ được thực hiện khi khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay trong phạm vi thời hạn cho vay hoặc không có khả năng trả nợ hết nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;